

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **56/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 19 tháng 6 năm 2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ TRÍ VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Đẹp.
2. Bà Nguyễn Thị Hôn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Tín - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Phương Hồng Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị K**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: đường T, phường B, thành phố M, Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Tấn Đ**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: đường T, phường B, thành phố M, Tiền Giang.

(Có mặt chị K, anh Đ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 11/02/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Lê Thị K trình bày: Chị và anh Nguyễn Tấn Đ tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh T vào ngày 13/10/2005. Thời gian vợ chồng chung sống anh Đ không lo chăm sóc gia đình mà thường xuyên nhậu nhẹt về chửi mắng vợ con. Đến cuối năm 2016 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn do anh Đ thường xuyên nhậu nhẹt và chửi mắng cháu Nguyễn Lê Hữu L khiến cháu bất ổn về tâm lý, chị nhiều lần khuyên răn nhưng không được. Vợ chồng ly thân từ giữa năm 2018 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tấn Đ.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Lê Hữu L, sinh ngày 05/6/2007 và Nguyễn Lê Hữu T, sinh ngày 02/01/2018. Khi ly hôn, chị K yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản khai ngày 06/5/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Nguyễn Tấn Đ trình bày: Anh đồng ý với ý kiến của chị K về thời điểm chung sống như vợ chồng, thời điểm đăng ký kết hôn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Do công việc làm ăn thất bại nên anh thường xuyên nhậu nhẹt dẫn đến mâu thuẫn với các thành viên trong gia đình. Nay anh còn thương vợ con và mong muốn hàn gắn nên không đồng ý ly hôn với chị K.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Lê Hữu L, sinh ngày 05/6/2007 và Nguyễn Lê Hữu T, sinh ngày 02/01/2018. Khi ly hôn, Anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi cháu T; đồng ý giao cháu L cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi cháu L.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

Chị K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh Đ vẫn giữ nguyên ý kiến, anh đồng ý ly hôn với chị Kiều

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của chị K là có căn cứ và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K, giao hai con chung cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng và đảm bảo sự ổn định cuộc sống của cháu L, cháu T, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị K khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Đ nên đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị K và anh Nguyễn Tấn Đ được Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của chị K và anh Đ là hôn nhân hợp pháp theo Điều 11 và Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Xét thấy, hiện tại chị K trình bày không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng với anh Đ nên đã nộp đơn ly hôn và tại phiên tòa vẫn cương quyết ly hôn. Anh Đ không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Đời sống vợ chồng giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cả hai không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ giữa năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là Nguyễn Lê Hữu L, sinh ngày 05/6/2007 và Nguyễn Lê Hữu T, sinh ngày 02/01/2018. Tại phiên tòa chị Kiều yêu cầu giao hai con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi hai con chung. Xét thấy, cháu L và cháu T hiện nay đang sống với chị K, cháu L có nguyện vọng được sống với chị K, cháu T hiện chưa đủ 36 tháng tuổi. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện, ổn định về tâm lý của cháu L và cháu T thì Hội đồng xét xử xét thấy cần giao hai cháu cho chị K tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2,3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị Kiều phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 11 và Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kiều.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Tấn Đ;

- Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Lê Hữu L, sinh ngày 05/6/2007 và Nguyễn Lê Hữu T, sinh ngày 02/01/2018 cho chị K trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí: Chị Lê Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Chị K đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001069 ngày 11/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- UBND xã C, huyện C, tỉnh T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Huyền Ni